

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DSST

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa

Trong ngày 28/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2019/TLST-DS ngày 03/6/2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2020/QĐXXST-DS ngày 17/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: xã HP, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã TTĐ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H tham gia góp hội do bà Phan Thị Mỹ P là chủ hội với các dây hội như sau:

Dây hội tuần (24 tuần), mở hội mỗi tuần, ngày đầu tiên mở hội là ngày 03/12/2017, mãn hội ngày 13/5/2018. Ông H tham gia 100 phần, mỗi phần góp 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, mỗi tuần góp 4.000.000 (bốn triệu) đồng, theo quy định hội mở đến tuần thứ 23 thì ông H hốt hội (hội chót). Thời gian ông H góp được 19 kỳ (tuần) với số tiền góp hội tổng cộng là 76.000.000 (bảy mươi sáu triệu) đồng thì bà P tuyên bố ngưng (vỡ) hội.

Dây hội tuần (24 tuần), mở hội mỗi tuần, ngày đầu tiên mở hội là ngày 31/12/2017, mãn hội ngày 11/6/2018. Ông H tham gia 50 phần, mỗi phần góp 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, mỗi tuần góp 2.000.000 (hai triệu) đồng, theo quy định hội mở đến tuần thứ 23 thì ông H hốt hội (hội chót). Thời gian ông H góp được 15 kỳ (tuần) với số tiền góp hội tổng cộng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng thì bà P tuyên bố ngưng (vỡ) hội.

Dây hội tuần (24 tuần), mở hội mỗi tuần, ngày đầu tiên mở hội là ngày 04/02/2018, mãn hội ngày 15/7/2018. Ông H tham gia 200 phần, mỗi phần góp 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, mỗi tuần góp 8.000.000 (tám triệu) đồng, theo quy định hội mở đến tuần thứ 23 thì ông H hốt hội (hội chót). Thời gian ông H góp được 10 kỳ (tuần) với số tiền góp hội tổng cộng là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng thì bà P tuyên bố ngưng (vỡ) hội.

Như vậy, sau khi bà P tuyên bố vỡ hội thì bà P nợ ông H số tiền tổng cộng của ba dây hội là 186.000.000 (một trăm tám mươi sáu triệu) đồng. Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ hội, nhưng bà P không trả. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P phải trả nợ hội cho ông với số tiền 186.000.000 (một trăm tám mươi sáu triệu) đồng, khi bản án phát sinh hiệu lực, ông không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà P vắng mặt từ khi vụ án được thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hội” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự, thuộc trường hợp “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phan Thị Mỹ P cư trú tại xã TTĐ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P.

[4] Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Hội đồng xét xử xét các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp gồm sổ giao hội, giấy chót nợ hội có cơ sở xác định ông H có tham gia các dây hội do bà P làm chủ hội, cụ thể là ba dây hội như ông H đã trình bày tại phần nội dung vụ án. Ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của thành viên dây hội và đã góp được số tiền tổng cộng của

ba dây hụi đến thời điểm bà P tuyên bố vỡ hụi là 186.000.000 (một trăm tám mươi sáu triệu) đồng. Việc bà P không giao hụi cho ông H là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên bà P phải chịu trách nhiệm của chủ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, bêu, phường. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, bêu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Phan Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ hụi là 186.000.000 (một trăm tám mươi sáu triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.300.000 (chín triệu ba trăm nghìn) đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.650.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0022049 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà